

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 19
Báo cáo của Ngân hàng Giám Sát	20
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	21 - 22
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	23 - 24
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	25 - 26
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ	27
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	28 - 29
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	30 - 31
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	32 - 67

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị Chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị Chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 Chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 130.950.248.600 đồng, tương đương với 13.095.024,86 Chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 2,62% và 4,47% so với ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn
6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao
7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 254.752.182.768 Việt Nam đồng.

Số lượng Chứng chỉ quỹ: 13.095.024,86 Chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ: Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (%)
Danh mục chứng khoán	81,33	80,06
Tài sản khác	18,67	19,94
Tổng cộng	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	254.752.182.768	280.723.892.982
2	Tổng số Chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	13.095.024,86	14.881.237,41
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ	19.454,11	18.864,28
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.155,94	21.133,94
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	18.754,23	18.856,37
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	19.454,11	18.864,28
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.155,94	21.133,94
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	18.754,23	18.856,37
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	2,62%	(4,73%)
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (*)	1,21%	(6,60%)
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	1,41%	1,86%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,02%	2,08%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2779	0,4337

(*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị Chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ
6 tháng (từ 1/1/2019 đến 30/6/2019)	2,62%	4,47%
1 năm (từ 30/6/2018 đến 30/6/2019)	3,13%	1,99%
Từ khi thành lập	94,54%	67,01%
Từ khi thành lập (%/năm)	12,82%	9,74%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

a) Thị trường cổ phiếu

Chỉ số VN-Index tăng 6,4% trong 6 tháng đầu năm 2019, thấp hơn so với hầu hết các chỉ số chứng khoán khác trong khu vực



Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2019, VNI đạt 949,9 điểm, tăng 6,4% kể từ đầu năm. Sau những nỗ lực vượt mốc 1.000 điểm vào đầu tháng 4, chỉ số đã liên tục giảm trong phần còn lại của tháng. VNI tiếp tục giảm nhiều hơn trong tháng 5, mức giảm hàng tháng này là lớn nhất kể từ đầu năm, sau đó đi ngang trong suốt tháng 6 và đứng ở mức dưới 1.000 điểm. Tâm lý thị trường đã bị tác động xấu bởi những bất ổn toàn cầu như sự leo thang trở lại trong tranh chấp Mỹ-Trung và mối đe dọa kéo dài về tranh chấp thương mại giữa Mỹ và các nước khác (có thể bao gồm cả Việt Nam). Sự sụt giảm điểm số trong Q2/2019 còn được lý giải bởi (1) lãi suất tiền gửi tăng, đặc biệt là tại các ngân hàng nhỏ; (2) tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp đạt mức thấp, đặc biệt là ở các ngành nguyên vật liệu cơ bản, công nghiệp, ngân hàng và bất động sản. Nhìn chung trong Q1/2019, doanh số của tất cả các công ty niêm yết tại HOSE chỉ tăng 4,8% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập thậm chí lại giảm 4,4%; và (3) Việt Nam không được đưa vào danh sách theo dõi để nâng hạng thị trường mới nổi của MSCI trong kỳ đánh giá tháng 6/2019.

So với các thị trường chứng khoán trong khu vực, VNI chỉ tăng trưởng cao hơn chỉ số JCI của Indonesia (+2,7%) và FBMKLCI của Malaysia (-1,1%), trong khi thấp hơn PCOMP của Philippines (+7,2%), SENSEX của Ấn Độ (+9,2%), SET của Thái Lan (+10,6%) và SHCOMP của Trung Quốc (+19,5%).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

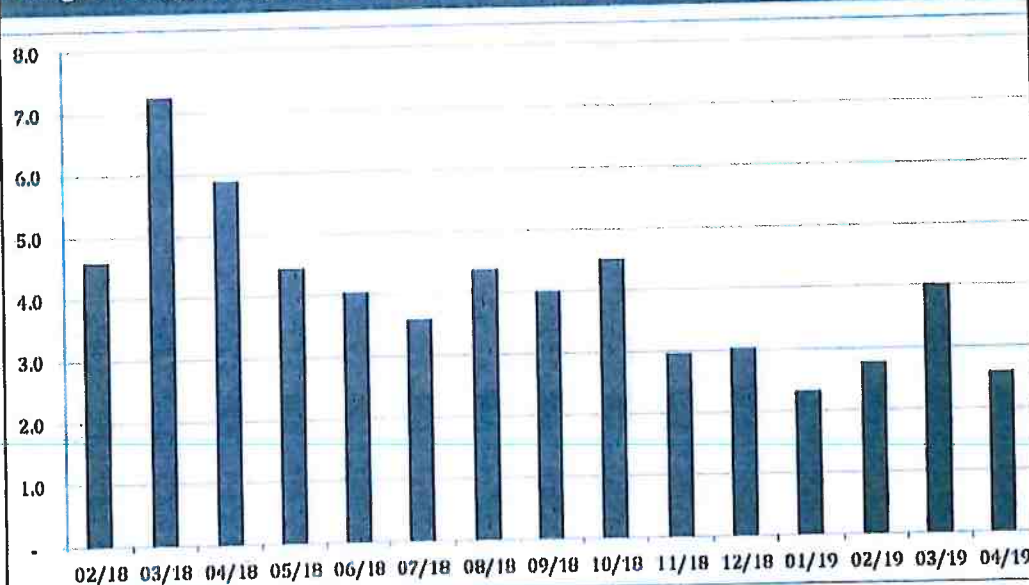
III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

a) Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Trong nửa đầu năm 2019, cổ phiếu vốn hóa nhỏ (VNSmallcap) tăng 4,9%, so với mức tăng 3,7% của cổ phiếu vốn hóa trung bình (VN70) trong khi cổ phiếu vốn hóa lớn (VN30) chỉ tăng 1,1%. Tuy nhiên, thực tế là tăng trưởng của VNI cao gần gấp sáu lần so với VN30 không phải bởi tác động của các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Do tỷ trọng của một cổ phiếu trong chỉ số VN30 bị giới hạn ở mức 10% (trong khi tỷ trọng thực tế của Vinamilk (VNM) hoặc Vingroup (VIC) có thể lên đến 15% và 13%) và tổng tỷ trọng của một nhóm các công ty liên quan, chẳng hạn như tổng tỷ lệ của Vingroup (VIC), Vinhomes (VHM) và Vincom Retail (VRE) bị giới hạn ở mức 15%; nên VN30 ít bị ảnh hưởng bởi một cổ phiếu hoặc một nhóm cổ phiếu liên quan. Trong trường hợp này, các cổ phiếu VIC cũng chiếm hơn một nửa mức tăng của VN-Index trong nửa đầu năm 2019.

Thanh khoản trong thị trường cơ sở vẫn thấp và vẫn tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa lớn

Bảng 2: Tổng giá trị giao dịch hai sàn HSX, HNX 15 tháng gần nhất (Tỷ USD)



Nguồn: HSX, HNX

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

a) Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

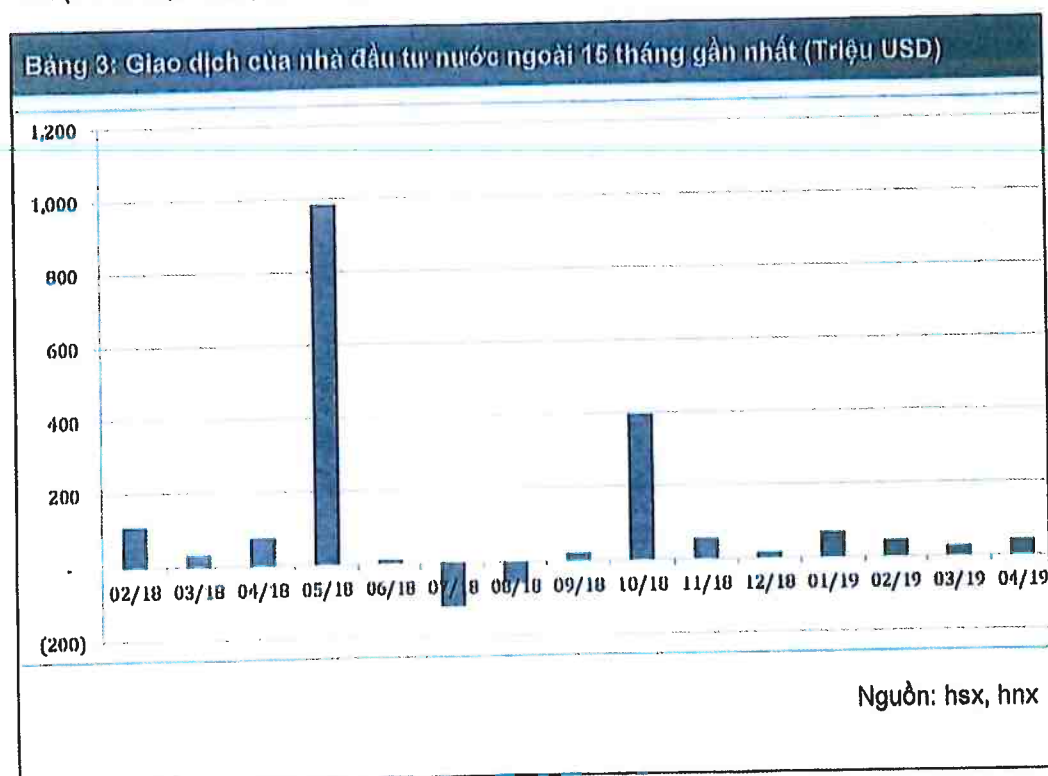
Tổng giá trị giao dịch trên tất cả các sàn (HOSE, HNX và UPCoM) đạt 401,4 ngàn tỷ (17,3 tỷ USD) trong sáu tháng đầu năm 2019, giảm 49,3% so với cùng kỳ năm trước, nếu tính cả giao dịch thỏa thuận, đạt 530,7 ngàn tỷ (22,8 tỷ USD), giảm 46,4%. Dòng tiền vẫn tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa lớn, với gần 45% giá trị giao dịch thuộc về các cổ phiếu trong rổ VN30, gần bằng với con số 46,5% của năm 2018 và cao hơn nhiều so với mức trung bình 38% trong giai đoạn 2012-2017.

Trong khi đó, thị trường phái sinh ghi nhận 12,5 triệu hợp đồng được giao dịch trong sáu tháng đầu năm, tăng 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước. Nếu cộng thêm giá trị giao dịch của thị trường cơ sở và phái sinh, thanh khoản thực sự tăng nhẹ +12,5% yoy.

Các nhà đầu tư vẫn mua ròng, chủ yếu thông qua quỹ ETFs

Các nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái mua ròng trong Q2/2019 (208 triệu USD), chủ yếu là do Tập đoàn SK (Hàn Quốc) đã mua cổ phiếu thứ cấp của VIC với tổng trị giá 249 triệu USD vào tháng 5/2019. Trong nửa đầu năm 2019, khối ngoại vẫn mua ròng với tổng trị giá 346 triệu USD, tuy nhiên vẫn là thấp hơn nhiều so với tổng số 1,5 tỷ USD mà họ đã mua ròng cùng kỳ năm ngoái.

Các cổ phiếu mua ròng hàng đầu chủ yếu là cổ phiếu vốn hóa lớn: VIC, MSN, VCB, PLX, MWG và quỹ ETF nội E1VFN30 (104 triệu USD). Các quỹ ETF nước ngoài cũng ghi nhận dòng vốn ròng mạnh như FTSE Vietnam ETF (37,5 triệu USD) và Van Eck VNM ETF (116,9 triệu USD). Nhà đầu tư nước ngoài cũng mua ròng tại các thị trường khác trong khu vực Trung Quốc (83.574 triệu USD), Ấn Độ (11.421 triệu USD), Indonesia (4.846 triệu USD), Thái Lan (1.318 triệu USD) và Philippines (407 triệu USD), ngoại trừ Malaysia (-1.162 triệu USD).



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

a) Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Cổ phiếu ngành bất động sản dẫn dắt thị trường

Tính đến hết tháng 6/2019, 9/12 ngành có mức tăng trưởng dương so với đầu năm. Ngành CNTT ghi nhận mức tăng lớn nhất (+21,9%), chủ yếu do xu hướng tăng giá của cổ phiếu FPT. Đứng thứ 2 là ngành Năng lượng với mức tăng 16,5%, được hỗ trợ bởi xu hướng tăng giá dầu và lợi nhuận các công ty lớn nhất trong ngành cũng được cải thiện. Trong số ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong VN-Index, cổ phiếu ngành bất động sản vẫn tăng trưởng cao nhất (+13,0%), tiếp đến là ngành tài chính (+4,2%) và cuối cùng là hàng tiêu dùng (+4,0%). Ngành Bất động sản tăng mạnh, đóng góp hơn 50% tăng trưởng của VN-Index, và vẫn chủ yếu là nhờ vào nhóm các cổ phiếu liên quan VIC, VHM và VRE. Về phía ngược lại, ngành Dịch vụ truyền thông ghi nhận mức tăng trưởng âm 64% do sự điều chỉnh mạnh mẽ của cổ phiếu YEG, vốn trước đó đã được định giá quá cao. Các cổ phiếu nhóm ngành vật liệu cơ bản như các nhà sản xuất thép và các công ty phân bón cũng có một giai đoạn nửa năm tồi tệ với mức tăng trưởng giá bình quân âm 1,0%.

Bảng 4: Top các cổ phiếu dẫn dắt

Q2/2019				Q2/2019			
Cổ phiếu dẫn dắt		Điểm Index tăng	% ảnh hưởng Index	Cổ phiếu sụt giảm		Điểm Index giảm	
HNG	HAGL Agriculture	0.4	1.3%	VHM	Vinhomes	-13.9	
TPB	Tienphong Bank	0.4	1.3%	VNM	Vinamilk	-5.6	
PHR	Phuoc Hoa Rubber	0.4	1.1%	TCB	Techcombank	-5.5	
FPT	FPT Corp	0.4	1.1%	BID	BIDV	-4.0	
PDR	Phat Dat Real Estate	0.3	1.0%	CTG	Vietinbank	-3.5	
Top 5		1.9	5.8%	Top 5		-32.5	

6T/2019				6T/2019			
Cổ phiếu dẫn dắt		Điểm Index tăng	% ảnh hưởng Index	Cổ phiếu sụt giảm		Điểm Index giảm	
VIC	Vingroup	19.9	34.7%	TCB	Techcombank	-5.8	
VCB	Vietcombank	19.1	33.3%	BID	BIDV	-2.8	
GAS	Petro Vietnam Gas	7.7	13.4%	BVH	Bao Viet Holdings	-1.8	
VHM	Vinhomes	6.3	10.9%	ROS	PLC Faros	-1.5	
VRE	Vincom Retail	5.0	8.7%	YEG	Yeah 1	-1.5	
Top 5		57.9	101.0%	Top 5		-13.4	

Nguồn: Bloomberg

Xét về đóng góp của từng cổ phiếu, 5 cổ phiếu VIC, VCB, GAS, VHM và VRE đã đóng góp 57,9 điểm tăng của VN-Index trong kỳ, tương đương 89,8% mức tăng của chỉ số này. Đáng chú ý, nếu không có sự đóng góp của các cổ phiếu VIC (31,2 điểm), VN-Index sẽ chỉ tăng 3,0% thay vì tăng 6,4% trong sáu tháng đầu năm. Ngược lại, 5 cổ phiếu làm giảm VN-Index trong kỳ là TCB, BID, BVH, ROS và YEG, đã kéo chỉ số xuống khoảng 13,4 điểm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

b) Thị trường trái phiếu

Nhu cầu Trái phiếu Chính phủ suy giảm trong Quý 2 2019

Sau khi tăng mạnh trong Quý 1 2019, cả khối lượng dự thầu và trúng thầu Trái phiếu Chính phủ đều giảm trong Quý 2. 35,6 nghìn tỉ Trái phiếu Chính phủ được phát hành trong Quý 2, tương đương bình quân 11,9 nghìn tỉ phát hành mỗi tháng. Khối lượng này chỉ bằng khoảng 50% khối lượng bình quân tháng của Quý 1 2019. Quý 2 chỉ hoàn thành 44,6% kế hoạch phát hành của quý là 80 nghìn tỉ đồng. Một phần do khối lượng gọi thầu thấp, một phần do thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm, khối lượng đăng ký dự thầu cũng suy giảm đáng kể, chỉ đạt bình quân tháng 49,6 nghìn tỉ, so với 93,9 nghìn tỉ của Quý 1 2019. Tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu duy trì ở mức 73,9%, thấp hơn một chút so với tỷ lệ của Quý 1 2019 (76,3%).

Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm và 15 năm vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng phát hành của Quý 2 với 71,7%. Tuy nhiên, tỷ lệ dự thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm từ 81,3% trong Quý 1 xuống 58,4% trong Quý 2, và đồng thời tỷ lệ dự thầu kỳ hạn 20 năm và 30 năm tăng mạnh lên 33,5% từ 3,4% trong Quý 1 2019. Nhu cầu đối với kỳ hạn 20 năm đặc biệt lớn với tỷ lệ dự thầu/gọi thầu đạt 5,3 lần. Do lợi tức Trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn ngắn và trung hạn khá thấp so với chi phí vốn của các ngân hàng thương mại, các ngân hàng đã bắt đầu dịch chuyển sự quan tâm sang các kỳ hạn siêu dài như 20 năm và 30 năm, chấp nhận rủi ro cao hơn để hưởng lợi tức cao hơn.

Tình Hình Phát Hành Trái Phiếu Chính Phủ Trong Quý 1 2019

Đơn vị: Tỉ đồng

Kỳ hạn	Kế hoạch phát hành	Thực tế phát hành	Phát hành /Kế hoạch	Phát hành /Gọi thầu	Đăng ký /Gọi thầu
5 năm	10.000	106	1,1%	3,0%	2,2x
7 năm	5.000	200	4,0%	6,7%	1,4x
10 năm	26.000	12.152	46,7%	79,7%	3,1x
15 năm	30.000	13.400	44,7%	89,3%	2,7x
20 năm	5.000	5.336	106,7%	85,4%	5,3x
30 năm	4.000	4.450	111,3%	84,8%	3,1x
Tổng	80.000	35.644	44,6%	73,9%	3,1x

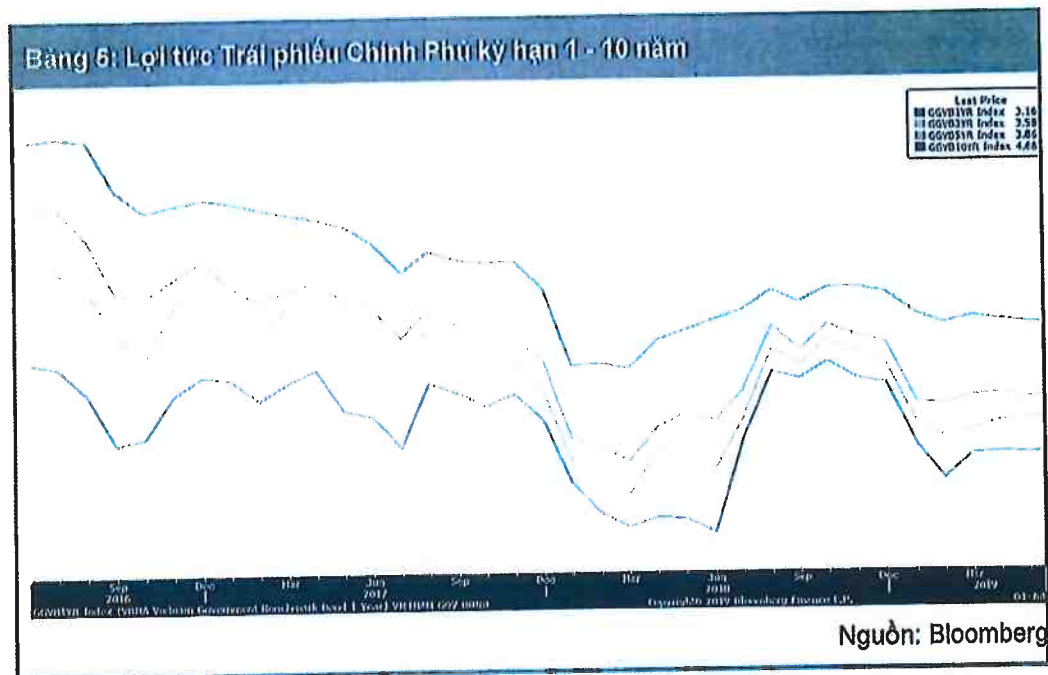
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

b) Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

Lợi tức dao động trong biên độ hẹp ở mọi kỳ hạn



Lợi tức Trái phiếu Chính phủ ở cả kỳ hạn ngắn và kỳ hạn dài đều dao động trong biên độ hẹp ± 10 điểm phần trăm. Cuối Quý 2 so với cuối Quý 1 2019, lợi tức các kỳ hạn ngắn tăng khoảng 10 điểm phần trăm, trong khi lợi tức kỳ hạn 10 năm giảm 10 điểm phần trăm và kỳ hạn 15 năm hầu như không thay đổi.

Sang Quý 3 và Quý 4, lợi tức kỳ hạn ngắn dự kiến sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ do đã khá thấp so với chi phí vốn của các ngân hàng trong khi chi phí này có xu hướng tăng do các quy định về an toàn tín dụng ngày càng được thắt chặt. Lợi tức Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài sẽ chịu áp lực giảm trong ngắn hạn do các ngân hàng có xu hướng đầu tư vào các trái phiếu kỳ hạn dài, sẵn sàng chấp nhận rủi ro cao hơn để hưởng mức lợi tức cao hơn. Kiểm soát tăng trưởng tín dụng chặt chẽ và giải ngân ngân sách nhà nước cho đầu tư công thấp sẽ tiếp tục duy trì thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, khối lượng Trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong Quý 3 và Quý 4 2019 khá thấp (19,3 nghìn tỉ trong Quý 3 và 7,8 nghìn tỉ trong Quý 4 so với 62,5 nghìn tỉ và 29,5 nghìn tỉ trong Quý 1 và Quý 2 2019), sẽ phần nào giảm bớt nhu cầu đầu tư Trái phiếu Chính phủ của các ngân hàng thương mại. Đến cuối năm, lợi tức có thể sẽ chịu áp lực tăng do các hạn chế tăng trưởng tín dụng có thể phần nào được nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, theo đó giảm thanh khoản của toàn hệ thống ngân hàng.

Thị trường thứ cấp kém sôi động

Sau Quý 1 2019 sôi động với giá trị giao dịch bình quân ngày 3,5 nghìn tỉ đồng, thị trường thứ cấp trở nên kém sôi động với giá trị giao dịch giảm còn 3,2 nghìn tỉ đồng/ngày. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng với tổng giá trị 4,0 nghìn tỉ (171,6 triệu USD) trong Quý 2 2019 mặc dù bán ròng khối lượng nhỏ 83,2 tỉ (~3,6 triệu USD) trong tháng 4 2019.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (*)	3,25%	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (*)	-0,12%	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị quỹ	3,13%	12,82%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị Chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	254.752.182.768	280.723.892.982	-9,25%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	19.454,11	18.864,28	3,13%

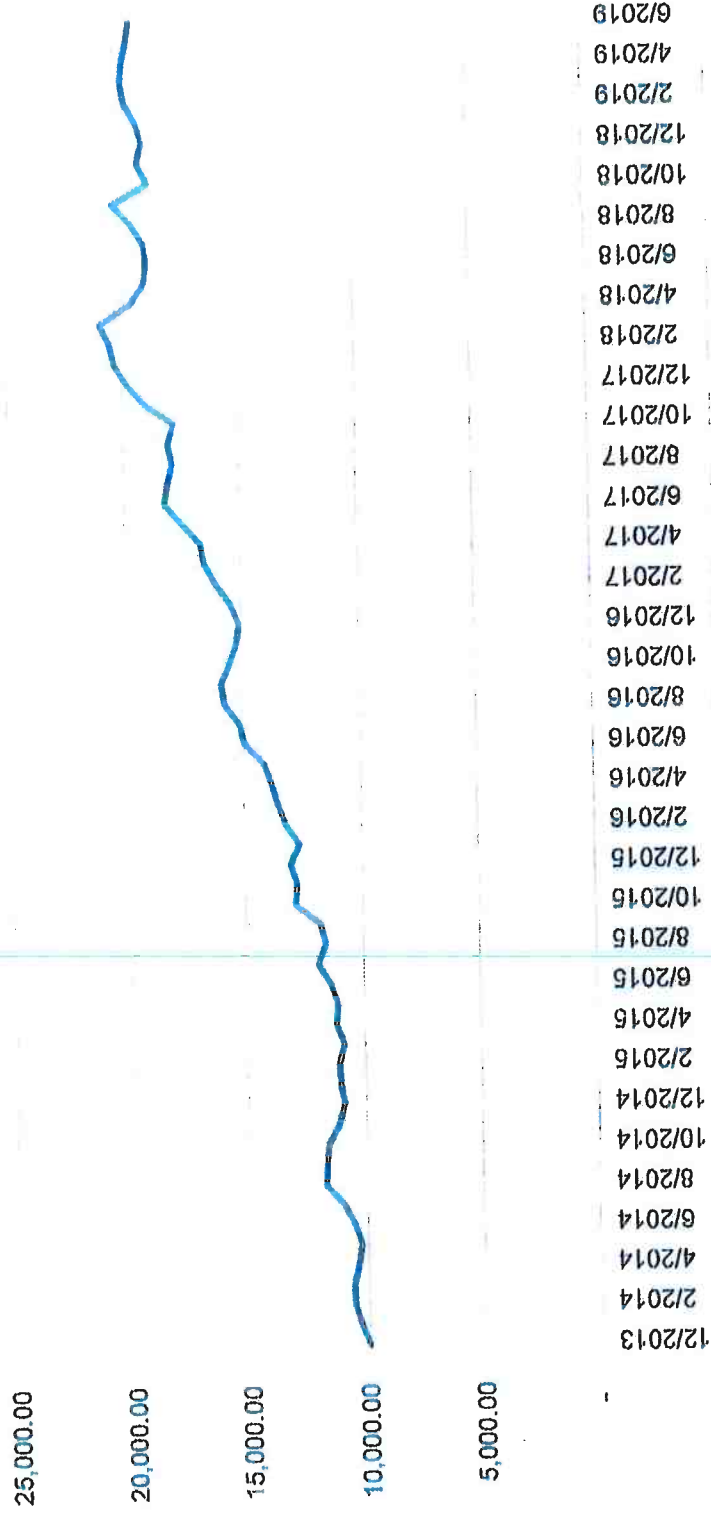
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chỉ tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Quy mô nắm giữ (Chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	960	1.516.085,61	11,57%
Từ 5.000 - 10.000	163	1.125.988,82	8,60%
Từ 10.000 đến 50.000	105	2.102.547,03	16,06%
Từ 50.000 đến 500.000	20	1.780.445,05	13,60%
Trên 500.000	3	6.569.958,36	50,17%
Tổng cộng	1.251	13.095.024,86	100,00%

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong nửa đầu năm 2019 giảm tốc nhẹ so với cùng kỳ năm trước, một phần do tăng trưởng cao trong quý 1 năm 2018. Trên bình diện toàn cầu, tăng trưởng chậm lại được nhìn thấy rõ ràng hơn dưới tác động của chiến tranh thương mại. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc đã giảm xuống 6,2% trong quý 2 năm 2019 so với mức 6,4% của quý 1 năm 2019. IMF gần đây đã tiếp tục giảm dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu từ 3,5% xuống 3,3%. Mức tăng trưởng cao và ổn định của Việt Nam tiếp tục dựa vào tăng trưởng các ngành công nghiệp và dịch vụ, một phần nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ và một phần nhờ tiêu dùng cá nhân.

Dòng vốn FDI chảy vào lĩnh vực sản xuất trong nửa đầu năm 2019 cho thấy sự tăng trưởng lành mạnh như được phân tích trong phần Cập nhật Vĩ mô. Chúng tôi tin rằng xu hướng thu hút vốn đầu tư nước ngoài sẽ vẫn tiếp diễn mạnh mẽ trong thời gian sắp tới vì nhiều lý do, không chỉ vì chi phí sản xuất thấp, cơ cấu dân số vàng và sự ổn định chính trị mà còn bởi vì các công ty toàn cầu đã và đang tìm kiếm các cơ sở sản xuất bên ngoài Trung Quốc để né tránh hàng rào thuế quan của Mỹ, và cũng bởi vì lợi ích từ hàng loạt các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia.

Trong những tháng qua, xu hướng chuyển dịch sản xuất ra khỏi Trung Quốc đã trở nên rõ ràng hơn, đặc biệt là sau khi Mỹ tăng thuế từ 10% lên 25% đối với danh sách hàng nhập khẩu trị giá 200 tỷ USD từ Trung Quốc. Mức thuế suất 25% có thể bào mòn hết lợi nhuận của các nhà nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc. Trong một cuộc khảo sát chung giữa Amcham Thượng Hải và Amcham Trung Quốc vào tháng 5 năm 2019, 40% trong số 250 công ty Mỹ được khảo sát ở Trung Quốc đang xem xét hoặc đã chuyển các cơ sở sản xuất ra khỏi quốc gia này, tăng từ mức 30% trong cuộc khảo sát tương tự vào tháng 9 năm 2018. Trong đó, gần ¼ xem xét chọn Đông Nam Á là điểm đến hàng đầu.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Sau khi hiệp định thương mại giữa EU-Việt Nam được phê chuẩn, Việt Nam sẽ có hiệp định thương mại đa phương với hầu hết các thị trường lớn trên thế giới (ASEAN, CPTPP, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và EU). EU hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, chiếm 17,6% kim ngạch xuất khẩu 2018. Vì hiệp định thương mại sẽ loại bỏ hơn 99% thuế hải quan đối với hàng xuất khẩu của cả hai bên trong giai đoạn 7 năm, chúng tôi tin rằng các công ty nước ngoài cũng đang tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam để được giảm thuế. Với sự cam kết của Chính phủ Việt Nam, môi trường kinh doanh của Việt Nam kỳ vọng sẽ được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho môi trường đầu tư và hoạt động của khu vực trong và ngoài nước.

Một thách thức dài hạn đối với Việt Nam là làm thế nào để thu được nhiều giá trị hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, vì hầu hết các dự án FDI ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào giai đoạn lắp ráp và xử lý, nhằm tận dụng lợi thế của lao động chi phí thấp và ưu đãi của Chính phủ. Chẳng hạn, nguyên liệu nhập khẩu thường chiếm gần 70% giá trị của sản phẩm may mặc, và các nhà sản xuất hàng may mặc tại Việt Nam chỉ kiếm được trung bình dưới 5% lợi nhuận ròng. Tương tự, 80% giá trị của điện thoại thông minh đến từ đầu vào nhập khẩu, dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa thấp. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng không đầy đủ do giải ngân đầu tư công chậm, và gia tăng chi phí lao động lẫn chi phí đất đai có thể trở thành nút thắt cổ chai khi dòng vốn FDI đang chảy vào mạnh mẽ trong thời gian ngắn. Để nắm bắt tốt nhất các cơ hội tạo ra do xu hướng chuyển dịch sản xuất và của các hiệp định thương mại, Việt Nam cũng đã thông qua kế hoạch về việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao và thân thiện với môi trường.

Liên quan đến căng thẳng thương mại, rủi ro trở thành trung tâm trung chuyển để né tránh thuế đối với các sản phẩm xuất xứ từ Trung Quốc cũng cần được chú ý. Trong 6 tháng đầu năm 2019, nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 18,2% và xuất khẩu sang Mỹ thậm chí đã tăng 27,4%. Chi tiết hơn, máy móc và thiết bị nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 22,9% và máy móc xuất khẩu sang Mỹ tăng 51,9%. Đối với lĩnh vực điện tử, nhập khẩu từ Trung Quốc và xuất khẩu sang Mỹ đều tăng 77,3%.

Tiêu dùng tư nhân vẫn tăng trưởng mạnh trong nửa đầu năm 2019 và sẽ tiếp tục là trụ cột tăng trưởng quan trọng của Việt Nam trong những năm tới. Theo một nghiên cứu của IFC, tiêu dùng tư nhân tăng trưởng bình quân 6,4% mỗi năm trong tám năm qua và đã chiếm tỷ trọng đến 68,2% GDP tại năm 2018, cả hai con số này đều cao hơn so với hầu hết các quốc gia khác trong khu vực. Sự gia tăng này là nhờ vào tỷ lệ thất nghiệp giảm (ở mức 2,2% vào năm 2018) và thu nhập bình quân tăng. Tiền lương trung bình tăng 4,0% mỗi năm và thu nhập khả dụng tăng 6,6% mỗi năm từ 2014 đến 2018, theo Nielsen. Tiền lương dự kiến sẽ tăng thêm 6,8% mỗi năm và thu nhập tăng thêm 5,9% mỗi năm cho đến năm 2022.

Tăng trưởng kinh tế cũng sẽ được hỗ trợ bởi tăng trưởng du lịch. Mặc dù số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam tăng đến 98,1% trong giai đoạn 2014-2018, Việt Nam chỉ chiếm 12,1% thị phần khách du lịch đến các nước ASEAN và chỉ bằng 40,7% tổng số khách đến Thái Lan năm 2018. Số lượng khách đến khu vực ASEAN dự kiến sẽ tăng với tốc độ 4,7% mỗi năm, từ 129,2 triệu vào năm 2018 lên 155,4 triệu vào năm 2022 (theo GlobalData), trong khi lượng khách du lịch đến Việt Nam có thể tăng trưởng cao hơn từ mức hiện tại.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Trong bối cảnh suy giảm thương mại và suy giảm tăng trưởng toàn cầu đang rõ ràng hơn, nhu cầu trong nước và du lịch dự kiến sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Điều khiến chúng tôi hơi lo ngại về du lịch là khả năng dư cung phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng trong vài năm tới tại một số điểm đến phổ biến như Nha Trang, Đà Nẵng, Hạ Long, Phan Thiết và Phú Quốc. Mặc dù chúng tôi chưa thể có được số liệu thống kê chính thức về nguồn cung phòng khách sạn ở những khu vực này và tin tưởng vào tiềm năng phát triển lâu dài của những nơi này, chúng tôi đã nhận thấy rằng việc xây dựng ở đã diễn ra quá nhanh trong một thời gian ngắn có thể dẫn đến cung vượt cầu trong những năm tới. Vấn đề sẽ trở nên nghiêm trọng hơn nếu tăng trưởng khách quốc tế giảm tốc, đặc biệt là từ Trung Quốc, như báo cáo vào tháng 6 năm 2019, khi số lượng khách du lịch Trung Quốc đến Việt Nam giảm đáng kể 16% so với tháng 6 năm trước và số lượng khách quốc tế đến Việt Nam gần như không đổi.

Trong nửa cuối năm 2019, chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng mục tiêu 6,8% của Chính phủ là có thể đạt được, khi các hoạt động kinh tế thường tăng tốc vào cuối năm. Ngoài ra, một số dự án lớn như nhà máy ô tô Vinfast, dự án thép Dung Quất của Hòa Phát, hàng loạt nhà máy điện mặt trời sẽ bắt đầu hoạt động vào nửa cuối năm 2019 sẽ giúp mang lại động lực tăng trưởng tương tự như của năm 2018 với nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và dự án thép Formosa đi vào hoạt động trong giai đoạn nửa cuối năm ngoài. Trờ ngại của Huawei cũng có thể giúp gia tăng thị phần điện thoại của Samsung trên toàn cầu. Mặc dù tranh chấp gần đây giữa Nhật Bản và Hàn Quốc liên quan đến vật liệu chip nếu vẫn tồn tại có thể có tác động xấu đến Samsung và LG.

Về tính ổn định của nền kinh tế, quan điểm trước đây của chúng tôi về khả năng kiểm soát rủi ro lạm phát và tỷ giá là không thay đổi. Và với động thái ôn hòa hơn của Fed, những rủi ro này trong ngắn hạn thậm chí còn thấp hơn. Tuy nhiên, tác động bất lợi từ hạn chế cho vay dài hạn của Ngân hàng Nhà nước là lãi suất tiền gửi của một số ngân hàng nhỏ đang tăng lên gần đây, khiến chi phí đi vay của các công ty cũng bị đội lên, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản. Mặc dù chính sách của Ngân hàng Nhà nước nhằm chuyển nguồn tài chính dài hạn từ ngân hàng sang thị trường vốn là tốt cho Việt Nam trong dài hạn, chính sách này đã đẩy chi phí tài trợ cho doanh nghiệp lên cao, và do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch đầu tư mở rộng.

Đối với thị trường chứng khoán, những bất ổn từ bên ngoài, sự chậm trễ tiến độ cổ phần hóa và thoái vốn công ty nhà nước và lãi suất tăng đã gây ra tâm lý thận trọng trên thị trường, đặc biệt là trong quý 2 năm 2019. Ngoài ra, mùa báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 cũng không tích cực, khi tăng trưởng doanh thu bình quân của các doanh nghiệp niêm yết thuộc VN-Index chỉ đạt 4,8% và thu nhập bình quân thậm chí giảm 4,4% YoY. Tuy nhiên, điều này chủ yếu là do sự tăng trưởng chậm lại của các công ty trong lĩnh vực bất động sản và ngân hàng sau khi đạt mức tăng trưởng rất cao trong năm ngoài. Một số lĩnh vực vẫn ghi nhận mức tăng trưởng thu nhập khá trong quý 1 năm 2019 như Năng lượng (+30,7%), CNTT (+23,1%), hàng tiêu dùng không thiết yếu (+18,3%) và hàng tiêu dùng thiết yếu (+13,0%). Việc Việt Nam không được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng thị trường mới nổi của MSCI vào tháng 6 năm 2019 cũng đã phần nào làm thị trường thất vọng, mặc dù có không ít nhà đầu tư mong đợi kết quả khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Do đó, chúng tôi nghĩ rằng thị trường hiện vẫn đang đánh giá thấp tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn sẽ đạt mức cao nhất ASEAN trong năm 2019 (6,7%), cao hơn Trung Quốc (6,2%) và chỉ thấp hơn Ấn Độ (7,0%). Trong khi đó, VN Index hiện được định giá rẻ hơn tất cả các thị trường khu vực, ngoại trừ Trung Quốc. Định giá thị trường Việt Nam hiện chỉ cao hơn 4,2% mức trung bình lịch sử, trong khi tình hình vĩ mô hiện tại và các yếu tố cơ bản của công ty đang ở trong tình trạng khá tốt. Nhìn vào các nhóm ngành mà chúng tôi tập trung vào, định giá thậm chí còn rẻ hơn nhiều. P/E trung vị của các ngành như Bán lẻ, Công nghệ thông tin, Thực phẩm & Đồ uống, Vận tải và Dược phẩm đều dưới 13,0 lần và P/B trung vị dưới 2,0 lần.

Ngoài ra, nếu Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) tiến hành giảm lãi suất, thanh khoản toàn cầu sẽ được cải thiện và điều đó sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thấy bất kỳ chỉ báo rõ ràng nào từ nền kinh tế Mỹ buộc Fed phải hạ lãi suất như đã báo hiệu.

Chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục bám sát triết lý đầu tư của mình, nắm giữ các công ty mà chúng tôi tin rằng sẽ được hưởng lợi từ sự phát triển về dài hạn của nền kinh tế Việt Nam và/hoặc mang lại tỷ suất cổ tức hấp dẫn. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục hướng nỗ lực nghiên cứu của mình vào các nhóm ngành trực tiếp được hưởng lợi từ EVFTA, CPTPP và xu hướng dịch chuyển sản xuất như hàng dệt may, giày dép, thủy sản, đồ nội thất và các đối tượng gián tiếp như các công ty cảng và logistics, khu công nghiệp, dịch vụ tiện ích, tiêu dùng và các công ty trong chuỗi cung ứng.

Bảng 7: So sánh chỉ số chứng khoán Việt Nam với các thị trường mới nổi khác					
Quốc gia	Chỉ số	Định giá TTCK Việt Nam so với một số thị trường mới nổi khác			
		Dự báo 2019	12 tháng gần nhất		
		Tăng trưởng GDP (%)	ROE (%)	EV/EBITDA	P/E
Trung Quốc	SHCOMP Index	6.2%	10.4%	11.2x	14.7x
Thái Lan	SET Index	3.5%	10.2%	11.5x	18.8x
Malaysia	FBMKLIC Index	4.5%	8.1%	12.6x	21.3x
Indonesia	JCI Index	5.1%	9.7%	11.3x	19.9x
Ấn Độ	MXIN Index	7.0%	10.9%	12.4x	25.7x
Philippines	PCOMP Index	6.0%	10.8%	13.2x	19.5x
Việt Nam	VNIndex (HSX)	6.7%	14.8%	13.3x	16.7x
	VHIndex (HNX)		12.4%	7.2x	7.7x
Việt Nam	VNIndex + VHIndex - trung vị		8.8%	7.2x	9.6x

Nguồn: Bloomberg tại ngày 01/07/2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Bảng 8: Các hệ số định giá cơ bản tại ngày 01/07/2019											
	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
2 Tháng Kết thúc vào	12/31/2008	12/31/2009	12/31/2010	12/31/2011	12/31/2012	12/31/2013	12/31/2014	12/31/2015	12/31/2016	12/31/2017	12/31/2018
Hệ số định giá											
Lãi/thu nhập	13.49	12.14	10.44	8.76	11.73	12.39	12.88	12.53	15.65	16.42	17.04
Lãi/thu nhập thuần	11.28	11.77	10.30	7.94	10.92	11.81	12.05	12.26	14.38	15.04	15.42
Lãi/thu nhập thường xuyên	13.40	12.13	10.44	8.75	11.73	12.33	12.93	12.52	15.65	16.42	17.04
Lãi/giá trị sổ sách	1.80	2.21	1.89	1.20	1.62	1.77	1.78	1.72	1.97	2.75	2.75
Vốn hóa lưu	1.11	1.78	1.48	1.02	1.32	1.42	1.44	1.70	1.89	1.95	1.95
VLNIT	11.31	13.14	11.80	8.00	11.38	11.98	11.92	13.59	14.44	17.32	17.32
VIBITDA	8.32	9.77	8.70	6.02	8.20	9.07	9.03	9.48	10.80	13.17	13.17
Y suất cổ tức	4.25	1.71	2.90	5.48	4.67	4.03	4.25	4.03	2.97	2.21	2.21
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hệ số cơ bản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
lên LN góp	10.36	19.34	18.42	17.24	17.09	18.03	18.49	19.99	20.44	19.00	19.00
lên LN hoạt động	9.54	13.45	12.49	10.73	10.34	11.20	11.25	11.53	10.73	11.51	11.51
lên LN ròng	8.59	12.17	11.07	8.48	8.42	9.61	9.33	10.07	9.17	9.17	9.17
OA	4.20	6.76	6.67	3.50	2.92	3.27	2.70	2.43	2.19	2.31	2.31
OE	11.65	18.93	18.17	14.03	13.15	14.38	14.24	13.80	12.89	14.81	14.81

Nguồn: Bloomberg tại ngày 01/07/2019

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Báo cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ") Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Báo cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Báo cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Báo cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phó phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên Bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61141024/21213758-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 23 đến trang 67, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thùy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy Chứng nhận kiểm toán: 0893-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.214.809.083	(12.525.083.560)
02	1.1 Cổ tức được chia	16	3.273.043.900	5.178.579.400
03	1.2 Tiền lãi được nhận	17	3.036.488.292	2.647.721.653
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	18	7.803.103.752	13.256.351.157
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	19	(3.897.826.861)	(33.607.735.770)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		92.674.854	149.492.281
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	20	92.674.854	149.492.281
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.719.367.867	2.757.873.800
20.1	3.1 Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	30.1	2.069.113.335	2.080.784.797
20.2	3.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	21	139.785.055	159.861.394
20.3	3.3 Giá dịch vụ giám sát	30.2	118.800.000	118.800.000
20.4	3.4 Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	30.2	118.800.000	118.800.000
20.5	3.5 Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		69.129.756	80.445.839
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		67.091.821	65.457.534
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	22	70.647.900	67.724.236
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.402.766.362	(15.432.449.641)
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		293.086.936	236.376.898
24.1	5.1 Thu nhập khác	24	293.086.936	236.376.898
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		7.695.853.298	(15.196.072.743)
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		11.593.680.159	18.411.663.027
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	19	(3.897.826.861)	(33.607.735.770)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		7.695.853.298	(15.196.072.743)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B01g-QM



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2019

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	16.776.454.011	17.873.361.791
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		11.752.344.422	4.355.327.638
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		5.024.109.589	13.518.034.153
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	237.191.712.095	261.945.193.655
121	2.1 Các khoản đầu tư		237.191.712.095	261.945.193.655
	2.1a Cổ phiếu		174.485.681.050	199.427.508.500
	2.1b Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng		28.164.519.775	36.663.511.226
	2.1c Trái phiếu doanh nghiệp		34.541.511.270	25.854.173.929
130	3. Các khoản phải thu		3.043.080.617	4.419.753.533
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	6	377.033.600	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	7	2.666.047.017	4.419.753.533
136	3.2a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.666.047.017	4.419.753.533
100	TỔNG TÀI SẢN		257.011.246.723	284.238.308.979
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	8	117.375.476	126.905.312
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		37.195.253	4.755.875
316	3. Chi phí phải trả	9	94.091.821	66.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	10	234.403.000	961.017.899
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	11	1.371.992.374	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	399.047.127	451.102.200
320	7. Phải trả, phải nộp khác	13	4.958.904	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.259.063.955	1.734.275.777
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III-I-II)		254.752.182.768	282.504.033.202
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	14	130.950.248.600	149.027.329.200
412	1.1 Vốn góp phát hành	14	241.595.375.900	224.217.995.400
413	1.2 Vốn góp mua lại		(110.645.127.300)	(75.190.666.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		40.715.340.396	58.085.963.528
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	83.086.593.772	75.390.740.474
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	14	19.454,11	18.956,52

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
004	1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14	13.095.024,86	14.902.732,92



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khởi điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	282.504.033.202	251.751.917.501
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	7.695.853.298	(15.196.072.743)
II.1	<i>Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ</i>	7.695.853.298	(15.196.072.743)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	(35.447.703.732)	44.168.048.224
III.1	<i>Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ</i>	34.120.500.634	73.624.376.560
III.2	<i>Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ</i>	(69.568.204.366)	(29.456.328.336)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	254.752.182.768	280.723.892.982



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2019

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
I	Cổ phiếu			174.485.681.050	67,89%
1	ACB	192.280	28.900	5.556.892.000	2,16%
2	BCC	116.600	8.200	956.120.000	0,37%
3	BMP	79.280	42.600	3.377.328.000	1,31%
4	BSR	155.800	12.900	2.009.820.000	0,78%
5	BWE	127.720	26.300	3.359.036.000	1,31%
6	CTG	214.000	19.500	4.173.000.000	1,62%
7	DGC	142.971	28.500	4.074.673.500	1,59%
8	DHC	25.896	43.000	1.113.528.000	0,43%
9	DHG	4	109.000	436.000	0,00%
10	DRC	194.300	18.400	3.575.120.000	1,39%
11	FOX	80.190	39.500	3.167.505.000	1,23%
12	FPT	265.080	45.500	12.061.140.000	4,69%
13	HCM	137.106	23.350	3.201.425.100	1,25%
14	HDG	97.836	33.350	3.262.830.600	1,27%
15	HPG	237.380	23.500	5.578.430.000	2,17%
16	HT1	291.030	16.000	4.656.480.000	1,81%
17	IMP	79.005	47.300	3.736.936.500	1,45%
18	LPB	472.500	7.800	3.685.500.000	1,43%
19	LTG	140.160	23.200	3.251.712.000	1,27%
20	MBB	573.160	20.900	11.979.044.000	4,66%
21	MWG	130.560	92.800	12.115.968.000	4,71%
22	NCT	97.920	69.800	6.834.816.000	2,66%
23	NT2	128.820	26.700	3.439.494.000	1,34%
24	PAC	126.890	35.300	4.479.217.000	1,74%
25	PME	52.980	50.500	2.675.490.000	1,04%
26	PNJ	130.869	73.000	9.553.437.000	3,72%
27	POW	373.000	15.200	5.669.600.000	2,21%
28	PVS	322.345	23.000	7.413.935.000	2,88%
29	PVT	192.100	16.300	3.131.230.000	1,22%
30	QNS	184.032	33.800	6.220.281.800	2,42%
31	REE	133.840	31.750	4.249.420.000	1,65%
32	SVC	18.300	42.000	768.600.000	0,30%
33	TCM	57.378	27.650	1.586.501.700	0,62%
34	TMS	95.960	29.500	2.830.820.000	1,10%
35	TRA	2	66.500	133.000	0,00%
36	VHC	5	88.000	440.000	0,00%
37	VNM	104.290	123.000	12.827.670.000	5,00%
38	VSC	212.757	30.650	6.521.002.050	2,55%
39	VTP	9.898	140.500	1.390.669.000	0,54%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
II	Trái phiếu			34.541.511.270	13,44%
1	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			10.099.280.370	7,43%
	- MSN11718	150.000	100.052,587	15.007.888.050	5,84%
	- VHM11801	40.000	102.284,808	4.091.392.320	1,59%
2	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			15.442.230.900	6,01%
	- Trái phiếu CTCP Tập Đoàn Hà Đô	120.000	99.962,253	11.995.470.360	4,67%
	- Trái phiếu CTCP Viglacera	34	101.375.310,000	3.446.760.540	1,34%
III	Các tài sản khác			3.043.080.617	1,18%
1	Cổ tức, trái tức được nhận			1.084.674.726	0,42%
2	Phải thu lãi tiền gửi			1.581.372.291	0,62%
3	Phải thu về bán các khoản đầu tư			377.033.600	0,14%
IV	Tiền			44.940.973.786	17,49%
1	Tiền gửi ngân hàng			11.752.344.422	4,57%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			5.024.109.589	1,96%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng			28.164.519.775	10,96%
V	Tổng giá trị danh mục			257.011.246.723	100,00%

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khởi điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp		7.695.853.298	(15.196.072.743)
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		3.903.877.586	33.668.152.208
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	19	3.897.826.861	33.607.735.770
04	Chi phí trích trước		6.050.725	60.416.438
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		11.599.730.884	18.472.079.465
20	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		20.855.654.699	(66.193.996.067)
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(377.033.600)	-
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.753.706.516	(1.072.287.608)
10	Giảm phải trả cho người bán		-	(983.132.490)
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(9.529.836)	226.239.064
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		32.439.378	17.835.297
14	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(726.614.899)	(1.538.812.100)
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		1.247.497.883	1.498.065.434
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	27.000.000
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(52.055.073)	759.022.605
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		34.350.795.952	(48.787.986.400)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	14	34.120.500.634	73.624.376.560
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	14	(69.568.204.366)	(29.456.328.336)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(35.447.703.732)	44.168.048.224
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(1.096.907.780)	(4.619.938.176)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	17.873.361.791	16.087.472.287
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		17.873.361.791	16.087.472.287
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		16.787.849.401	14.230.812.951
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		13.518.034.153	8.225.259.694
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		3.269.815.248	6.005.553.257
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ		1.085.512.390	1.856.659.336
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	16.776.454.011	11.467.534.111
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		16.776.454.011	11.467.534.111
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		15.826.986.520	10.243.837.720
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		5.024.109.589	7.000.000.000
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		10.802.876.931	3.243.837.720
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ		949.467.491	1.223.696.391
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(1.096.907.780)	(4.619.938.176)

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 16, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHEQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị Chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị Chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 Chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 130.950.248.600 đồng, tương đương với 13.095.024,86 Chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b) Trục tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thâu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.4).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả kinh doanh giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 198 và Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng VND.

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Thay đổi chính sách kế toán thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư giữa niên độ được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu, trái phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183 và được Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch "Clean price" từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
8.	Trái phiếu biến động bất thường	- Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 6 ở trên. - Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau: + Giá sạch "Clean price" từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến 2 (hai) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán Chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại Chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại Chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành Chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành Chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại Chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý quỹ} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}.$$

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = 0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong năm định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}.$$

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Từ tháng 7/2018, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu 18.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức giá dịch vụ giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Giá dịch vụ giám sát được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ giám sát = $0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}$.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức giá trên không bao gồm các giá dịch vụ lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức giá dịch vụ lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Giá dịch vụ lưu ký được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ lưu ký = $0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}$.

3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
là ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày sáu tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	10.802.876.931	3.269.815.248
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng (*)	5.024.109.589	13.518.034.153
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua/bán Chứng chỉ quỹ	949.467.491	1.085.512.390
	16.776.454.011	17.873.361.791

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP
 Á Châu với lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu	165.012.310.550	174.485.681.050	9.473.370.500
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (*)	28.164.519.775	28.164.519.775	-
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (**)	19.060.794.478	19.099.280.370	38.485.892
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (***)	15.400.000.000	15.442.230.900	42.230.900
	227.637.624.803	237.191.712.095	9.554.087.292

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 18 tháng
 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 7,4%/năm đến 7,7%/năm.

(**) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp niêm yết bao gồm các trái phiếu do Công ty Cổ
 phần Tập đoàn Masan phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017, đáo hạn ngày 8 tháng 9
 năm 2019, mệnh giá 100.000VND/trái phiếu, kỳ hạn 2 năm, lãi trả sau, định kỳ 6
 tháng/lần và các trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành ngày 02 tháng 8
 năm 2018, đáo hạn ngày 02 tháng 8 năm 2021, mệnh giá 100.000VND/trái phiếu, kỳ
 hạn 3 năm, lãi trả sau, định kỳ 6 tháng/lần.

(***) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết là các trái phiếu do Công ty Cổ phần
 Viglacera Tiên Sơn phát hành ngày 16 tháng 6 năm 2017, đáo hạn ngày 16 tháng 6 năm
 2020, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất kết hợp trả sau, xác
 định 6 tháng/lần và các trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành ngày
 11 tháng 6 năm 2019, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 1 năm 3 tháng, lãi trả
 sau, định kỳ 6 tháng/lần cho 2 kỳ đầu tiên và 3 tháng cho kỳ cuối cùng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. PHẢI THU VỀ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</u>
HDG	<u>377.033.600</u>	<u>-</u>

7. PHẢI THU VÀ DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</u>
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 17)	1.581.372.291	3.284.235.098
Dự thu cổ tức (Thuyết minh 16)	410.935.000	509.424.600
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu doanh nghiệp (Thuyết minh 17)	<u>673.739.726</u>	<u>626.093.835</u>
	<u>2.666.047.017</u>	<u>4.419.753.533</u>

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</u>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	58.687.738	63.452.656
Phải trả cho các Đại lý phân phối	<u>58.687.738</u>	<u>63.452.656</u>
	<u>117.375.476</u>	<u>126.905.312</u>

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND</u>
Phải trả chi phí kiểm toán	67.091.821	66.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>27.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>94.091.821</u>	<u>66.000.000</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	<u>234.403.000</u>	<u>961.017.899</u>

11. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ hợp lệ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	<u>1.371.992.374</u>	<u>124.494.491</u>

12. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý quỹ	316.587.127	366.222.200
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	22.000.000	22.000.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ	18.000.000	18.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.860.000	5.280.000
	<u>399.047.127</u>	<u>451.102.200</u>

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Trích trước phí quản lý thường niên	<u>4.958.904</u>	<u>-</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (liếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (Chứng chỉ quỹ)	22.421.799,54	1.737.738,06	24.159.537,59
Giá trị ghi theo mệnh giá	224.217.995.400	17.377.380.500	241.595.375.900
Thặng dư vốn	107.240.633.844	16.743.120.134	123.983.753.978
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ	331.458.629.244	34.120.500.634	365.579.129.878
Vốn góp mua lại			
Số lượng (Chứng chỉ quỹ)	(7.519.066,62)	(3.545.446,11)	(11.064.512,73)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(75.190.666.200)	(35.454.461.100)	(110.645.127.300)
Thặng dư vốn	(49.154.670.316)	(34.113.743.266)	(83.268.413.582)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ	(124.345.336.516)	(69.568.204.366)	(193.913.540.882)
Số lượng Chứng chỉ quỹ hiện hành	14.902.732,92	(1.807.708,06)	13.095.024,86
Giá trị vốn góp hiện hành	207.113.292.728	(35.447.703.732)	171.665.588.996
Lợi nhuận chưa phân phối	75.390.740.474	7.695.853.298	83.086.593.772
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	282.504.033.202		254.752.182.768
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	18.956,52		19.454,11

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	73.532.506.480	61.938.826.321
Lợi nhuận chưa thực hiện (Thuyết minh 19)	9.554.087.292	13.451.914.153
	83.086.593.772	75.390.740.474

16. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Cổ tức thực nhận	2.862.108.900	4.123.487.400
Cổ tức dự thu (Thuyết minh 7)	410.935.000	1.055.092.000
	3.273.043.900	5.178.579.400

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Tiền lãi đã nhận trong kỳ	781.376.275	711.454.222
Tiền lãi từ trái phiếu	574.113.703	431.195.890
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	181.567.801	280.258.332
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	25.704.771	-
Tiền lãi dự thu đến cuối kỳ	2.255.112.017	1.936.267.431
Tiền lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 7)	673.739.726	421.157.534
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 7)	1.581.372.291	1.515.109.897
	3.036.488.292	2.647.721.653

18. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019			Lãi bán chứng khoán trong kỳ trước VND
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND	
Cổ phiếu	45.415.387.500	37.612.283.748	7.803.103.752	13.256.351.157
Trái phiếu doanh nghệp	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-
	48.715.387.500	40.912.283.748	7.803.103.752	13.256.351.157

19. CHÈNH LỆCH GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong kỳ này VND
Cổ phiếu	165.012.310.550	174.485.681.050	9.473.370.500	13.358.534.702	(3.885.164.202)
Trái phiếu doanh nghệp	34.460.794.478	34.541.511.270	80.716.792	93.379.451	(12.662.659)
	199.473.105.028	209.027.192.320	9.554.087.292	13.451.914.153	(3.897.826.861)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	24.010.799	106.726.267
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	67.848.047	42.558.024
Chi phí thanh toán bù trừ	816.008	207.990
	92.674.854	149.492.281

21. GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Giá dịch vụ lưu ký - lưu ký tài sản (Thuyết minh 30.2)	108.000.000	108.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 30.2)	17.380.000	39.270.000
Giá dịch vụ lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	14.405.055	12.591.394
	139.785.055	159.861.394

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 30.1)	60.000.000	60.000.000
Phí thường niên trả cho UBCKNN	4.958.904	4.958.904
Phí Ngân hàng	1.759.686	2.765.332
Chi phí khác	3.929.310	-
	70.647.900	67.724.236

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (6)=(4)/(5)(%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	19.574.171.500	76.722.586.000	25,51%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	Không liên quan	18.344.449.000	76.722.586.000	23,91%	0,15%	0,15%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	16.605.016.500	76.722.586.000	21,64%	0,15%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	3.605.839.000	76.722.586.000	4,70%	0,15%	0,15%
5	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng	Không liên quan	1.784.270.000	76.722.586.000	2,33%	0,12%	0,15%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	1.020.280.000	76.722.586.000	1,33%	0,15%	0,15%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	488.560.000	76.722.586.000	0,64%	0,15%	0,15%
8	Giao dịch trên thị trường OTC	Không liên quan	15.300.000.000	76.722.586.000	19,94%	Không áp dụng	Không áp dụng
	Tổng		76.722.586.000		100,00%		

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

25. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 1	282.505.618.514	14.902.732,92	18.956,63
Kỳ 2/Tháng 1	279.932.795.497	14.926.374,79	18.754,23
Kỳ 3/Tháng 1	284.381.835.713	14.936.727,14	19.039,09
Kỳ 4/Tháng 1	284.706.795.584	14.962.184,88	19.028,42
Kỳ 5/Tháng 1	283.085.099.910	14.778.370,04	19.155,36
Kỳ cuối/Tháng 1	283.075.594.175	14.727.461,19	19.220,93
Kỳ 1/Tháng 2	283.120.202.657	14.727.461,19	19.223,96
Kỳ 2/Tháng 2	283.124.085.006	14.727.461,19	19.224,22
Kỳ 3/Tháng 2	287.742.942.659	14.766.963,35	19.485,58
Kỳ 4/Tháng 2	270.944.670.211	13.774.170,81	19.670,48
Kỳ 5/Tháng 2	292.147.201.878	14.697.114,59	19.877,86
Kỳ cuối/Tháng 2	289.969.857.714	14.703.682,88	19.720,89
Kỳ 1/Tháng 3	294.109.368.864	14.703.682,88	20.002,42
Kỳ 2/Tháng 3	296.077.441.508	14.689.336,86	20.155,94
Kỳ 3/Tháng 3	293.278.018.714	14.584.414,86	20.109,00
Kỳ 4/Tháng 3	288.424.490.094	14.577.723,64	19.785,29
Kỳ cuối/Tháng 3	288.025.190.094	14.495.006,67	19.870,64
Kỳ 1/Tháng 4	287.825.769.222	14.495.006,67	19.856,89
Kỳ 2/Tháng 4	286.962.714.299	14.428.600,56	19.888,46
Kỳ 3/Tháng 4	280.769.134.249	14.149.149,92	19.843,53
Kỳ 4/Tháng 4	276.942.309.622	14.159.410,34	19.558,88
Kỳ cuối/Tháng 4	277.161.362.758	13.996.506,80	19.802,18
			(202,40)
			284,86
			(10,67)
			126,94
			65,57
			3,03
			0,26
			261,36
			184,90
			207,38
			(156,97)
			281,53
			153,52
			(46,94)
			(323,71)
			85,35
			(13,75)
			31,57
			(44,93)
			(284,65)
			243,30

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 5	277.162.972.616	13.996.506,80	19.802,29	0,11
Kỳ 2/Tháng 5	272.772.090.311	13.907.622,34	19.613,13	(189,16)
Kỳ 3/Tháng 5	274.312.789.128	13.865.823,11	19.783,37	170,24
Kỳ 4/Tháng 5	275.165.003.877	13.838.280,99	19.884,33	100,96
Kỳ 5/Tháng 5	271.772.491.974	13.661.724,67	19.892,98	8,65
Kỳ cuối/Tháng 5	261.379.751.697	13.343.153,15	19.589,05	(303,93)
Kỳ 1/Tháng 6	258.251.380.654	13.343.153,15	19.354,59	(234,46)
Kỳ 2/Tháng 6	260.208.094.231	13.284.474,93	19.587,38	232,79
Kỳ 3/Tháng 6	255.554.039.409	13.265.062,37	19.265,19	(322,19)
Kỳ 4/Tháng 6	254.881.966.973	13.129.752,67	19.412,54	147,35
Kỳ cuối/Tháng 6	254.752.182.768	13.095.024,86	19.454,11	41,57
Giá trị tài sản ròng bình quân trong Kỳ	278.084.459.528			(323,71)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong Kỳ mức cao nhất				0,11
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong Kỳ mức thấp nhất				

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ		NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ	
	NAV	VND	Số lượng CCQ		NAV/ICCCQ		NAV/ICCCQ	
		VND				VND		VND
Kỳ 1/Tháng 1	253.591.419.846		12.713.916,54		19.945,97		-	
Kỳ 2/Tháng 1	259.297.462.781		12.794.199,40		20.266,79		320,82	
Kỳ 3/Tháng 1	262.736.349.022		12.888.214,22		20.385,78		118,99	
Kỳ 4/Tháng 1	264.998.733.522		13.029.222,94		20.338,79		(46,99)	
Kỳ 5/Tháng 1	268.528.881.303		13.069.671,20		20.545,95		207,16	
Kỳ cuối/Tháng 1	267.670.364.883		13.141.777,92		20.367,89		(178,06)	
Kỳ 1/Tháng 2	251.841.734.002		13.141.777,92		19.163,44		(1.204,45)	
Kỳ 2/Tháng 2	264.485.747.200		13.176.266,01		20.072,89		909,45	
Kỳ 3/Tháng 2	264.476.917.684		13.176.266,01		20.072,22		(0,67)	
Kỳ 4/Tháng 2	271.053.627.323		13.247.221,03		20.461,16		388,94	
Kỳ cuối/Tháng 2	276.432.615.993		13.459.098,12		20.538,71		77,55	
Kỳ 1/Tháng 3	279.570.861.553		13.459.098,12		20.771,88		233,17	
Kỳ 2/Tháng 3	287.838.680.681		13.654.849,17		21.079,59		307,71	
Kỳ 3/Tháng 3	294.280.531.816		13.924.541,10		21.133,94		54,35	
Kỳ 4/Tháng 3	291.632.511.700		13.840.962,61		21.070,24		(63,70)	
Kỳ cuối/Tháng 3	290.498.051.363		13.865.066,05		20.951,79		(118,45)	
Kỳ 1/Tháng 4	290.754.107.279		13.865.066,05		20.970,26		18,47	
Kỳ 2/Tháng 4	292.897.569.862		13.951.821,68		20.993,50		23,24	
Kỳ 3/Tháng 4	289.920.255.728		14.093.067,16		20.571,83		(421,67)	
Kỳ 4/Tháng 4	280.700.353.167		14.258.934,75		19.685,92		(885,91)	
Kỳ cuối/Tháng 4	284.412.398.217		14.503.749,15		19.609,57		(76,35)	

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 5	284.412.463.924	14.503.749,15	19.609,58	0,01
Kỳ 2/Tháng 5	284.840.242.433	14.481.479,54	19.669,27	59,69
Kỳ 3/Tháng 5	292.908.535.133	14.824.775,98	19.758,04	88,77
Kỳ 4/Tháng 5	285.256.706.962	14.910.732,73	19.130,96	(627,08)
Kỳ 5/Tháng 5	282.362.303.421	14.944.636,57	18.893,88	(237,08)
Kỳ cuối/Tháng 5	283.412.851.588	14.923.472,14	18.991,07	97,19
Kỳ 1/Tháng 6	290.882.748.954	14.923.472,14	19.491,62	500,55
Kỳ 2/Tháng 6	293.130.787.839	15.073.952,27	19.446,17	(45,45)
Kỳ 3/Tháng 6	284.294.364.548	15.076.833,58	18.856,37	(589,80)
Kỳ 4/Tháng 6	286.992.551.622	14.913.843,78	19.176,31	319,94
Kỳ cuối/Tháng 6	280.723.892.982	14.881.237,41	18.864,28	(312,03)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	279.650.594.174			(1.204,45)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất				0,01
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất				

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

26. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

26.1 Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại Chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đến một năm	13.095.024,86	14.902.732,92

27. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,02	2,08
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2779	0,4337

27.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

27.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) / 2 \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 174.485.681.050 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 17.448.568.105 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 17.448.568.105 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	11.752.344.422	11.752.344.422	4.355.327.638	4.355.327.638
- Tiền gửi ngân hàng	5.024.109.589	5.024.109.589	13.518.034.153	13.518.034.153
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng				
Các khoản đầu tư	174.485.681.050	174.485.681.050	199.427.508.500	199.427.508.500
- Cổ phiếu	28.164.519.775	28.164.519.775	36.663.511.226	36.663.511.226
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	34.541.511.270	34.541.511.270	25.854.173.929	25.854.173.929
- Trái phiếu doanh nghiệp	3.043.080.617	3.043.080.617	4.419.753.533	4.419.753.533
Các khoản phải thu	257.011.246.723	257.011.246.723	284.238.308.979	284.238.308.979
TỔNG CỘNG				
Nợ phải trả tài chính	117.375.476	117.375.476	126.905.312	126.905.312
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	67.091.821	67.091.821	66.000.000	66.000.000
Chi phí phải trả	234.403.000	234.403.000	961.017.899	961.017.899
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	1.371.992.374	1.371.992.374	124.494.491	124.494.491
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	399.047.127	399.047.127	451.102.200	451.102.200
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	4.958.904	4.958.904	-	-
Phải trả, phải nộp khác	2.194.868.702	2.194.868.702	1.729.519.902	1.729.519.902
TỔNG CỘNG				

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Giá dịch vụ quản lý quỹ	<u>2.069.113.335</u>	<u>2.080.784.797</u>

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>60.000.000</u>	<u>60.000.000</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng Chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng Chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	19,09%	2.500.000,00	16,78%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.709.027,88	13,05%	1.709.027,88	11,47%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.360.930,47 99.469,25	18,03% 0,76%	2.370.330,35 94.350,47	15,91% 0,62%
Bên liên quan khác		6.669.427,60	50,93%	6.673.708,70	44,78%
Tổng cộng					

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

30.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>
Giá dịch vụ giám sát	118.800.000	118.800.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	118.800.000	118.800.000
Giá dịch vụ lưu ký – lưu ký tài sản	108.000.000	108.000.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	25.704.771	-
Giá dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán	17.380.000	39.270.000
Phí ngân hàng	1.759.686	2.765.332

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2019

